Bài xuất bản so với *preprint*: chưa biết mèo nào cắn mỉu nào

Hồ Mạnh Toàn

Nguyễn Thanh Huyền

Lương Anh Phương

AISDL

Ngày 30 tháng 12 năm 2020

Một trong số các bài đã đăng về sự thay đổi vị thế của *preprint*—tức là các bản thảo bài viết chưa qua bình duyệt (un-peer-reviewed) được sản xuất điện tử và đưa lên các hệ thống lưu trữ có dấu nổi—trong thế giới xuất bản học thuật, bài [1] khá mới và nêu rõ hành trình của tác giả.

Bối cảnh xem xét

Trao đổi thêm với tác giả, chúng tôi được biết thêm về trích dẫn số 6 trong bài [1] (trong danh mục tài liệu tham khảo của bài này là số [2])¹. Tạp chí gửi nộp là *Journal of Current Southeast Asian Affairs* (gọi tắt là JCSAA). Vào năm 2014, đây là tạp chí của Đức, hay gọi là nhóm GIGA Journals (xem: <https://journals.sub.uni-hamburg.de/giga/jsaa/>). Đến 2016, tạp chí này cùng một số GIGA Journals khác được chuyển sang cho SAGE xuất bản (địa chỉ truy cập: <https://journals.sagepub.com/home/saa>).

¹ Một phiên bản khác, đăng trên Stratfor một trang phân tích là [3].

Đây là thông tin lý thú để bắt đầu một phép kiểm tra suy nghĩ về công năng đem lại số lượt trích dẫn cho một ấn phẩm: Liệu tạp chí có chắc chắn tỏ ra hiệu quả hơn các hệ thống “preprints servers” trên phương diện mang lại lượt đọc và trích dẫn với bài viết hay không?

Phép kiểm tra được thực hiện trên cơ sở dữ liệu Google Scholar, vì các lý do sau:

- Google Scholar miễn phí hoàn toàn, chỉ cần bỏ công sức thời gian
- Đây là hệ thống dễ hiểu, dễ sử dụng, và đã rất thông dụng ngày nay. Trên thực tế đây cơ bản cũng là hệ thống tra cứu đầu tiên người nghiên cứu sử dụng khi tìm kiếm thông tin học thuật
- Về độ bao quát, Google Scholar thống kê được các trích dẫn rất quan trọng mà các hệ thống Web of Science và Scopus đang bỏ sót, ví dụ: luận án tiến sỹ (loại văn bản học thuật quan trọng bậc nhất), các luận văn cao học, các tài liệu chính sách, các trích dẫn của các chủ giải tài liệu sở hữu trí tuệ, và rất nhiều sách quan trọng không trong WOS hay Scopus.

Chúng tôi cũng ý thức rõ, Google Scholar cũng có những nhược điểm như [4-8] nêu ra. Tuy nhiên, đối với mục tiêu trả lời câu hỏi của đầu bài, CSDL này đủ điều kiện để thỏa mãn yêu cầu công việc, và các tài liệu từ [4-8] đã xác nhận cơ sở của nhận định này.

Việc rà soát thông tin trích dẫn các bài trên JCSAA

Với thời gian bình duyệt trung bình 3-6 tháng, việc rà soát sẽ được tiến hành trong khoảng thời gian 2 năm: 2014 và 2015, tức là tương đương với khoảng thời gian bài [2] xuất hiện và sẵn sàng để sử dụng.

Việc thống kê sẽ chỉ tính đến các bài có lượng trích dẫn từ 6 trở lên, tức là trung bình khoảng 1 trích dẫn mỗi năm.

Thời điểm thống kê: Ngày 30-12-2020.

Thống kê thu nhận được

Một vài số đếm của phép kiểm tra nói trên được thống kê lại trong Bảng 1. Lượt trích dẫn được phân khoảng từ 6 đến 12, 13 đến 36 và lớn hơn 36. Theo các khoảng này, mỗi bài đã xuất bản trên JCSAA thỏa mãn cột nào sẽ được tính cho cột đó.

Tiếp theo, vì số bài này được xuất bản trong 2 năm (2014 và 2015), do đó có 2 dòng tách riêng, tổng số lượng của 2 dòng theo năm nay sẽ bằng tổng số bài ở dòng dữ liệu đầu tiên của Bảng 1.

Bảng 1. Phân bố tần suất bài theo khoảng lượng trích dẫn

Lượt trích dẫn	[6-12]	[13-36]	>36
Số bài	21	10	3
Năm xuất bản 2014	12	7	2
Năm xuất bản 2015	9	3	1

Do số bài có lượng trích dẫn lớn hơn 36 khá ít, chỉ có 3 bài [9-11], nên Bảng 2 dưới đây có thể liệt kê thông tin chi tiết hơn về các bài này.

Bảng 2. Thông tin về các bài có lượt trích dẫn lớn hơn 36

Tiêu đề	Năm	Số trích dẫn	Số tác giả	Số trang
An agreement to disagree: the ASEAN Human Rights Declaration and the absence of regional identity in Southeast Asia [9]	2014	38	1 (Mathew Davies)	23
After Indonesia's Ratification: The ASEAN Agreement on Transboundary Haze Pollution and its Effectiveness as a Regional Environmental Governance Tool [10]	2015	40	1 (Daniel Heilmann)	16
Jokowi's populism in the 2012 Jakarta Gubernatorial Election [11]	2014	38	1 (Abdul Hamid)	25

Khi thử mở rộng giai đoạn đếm bài cho các bài có trích dẫn hơn 36 sang cho 2016, thì xuất hiện thêm một số bài có lượng trích dẫn lớn hơn vượt trội [12-18], trong đó có 1 bài đến từ Việt Nam của tác giả Bùi Hải Thiêm [14], xuất bản 2016 với 36 trích dẫn.

Nhìn kỹ hơn và các bài trích dẫn sử dụng [9] thì thấy có đủ các loại tài liệu: bài báo trên tạp chí, luận văn, bài hội nghị, chương sách và sách. Tình hình cũng tương tự với các bài khác.

Một vài nhận xét

Bây giờ so sánh trở lại với bản preprint sau khi nộp cho JCSAA đã rút lại không sửa và chỉ đăng tải ở trạng thái bản thảo trên mạng [2], chúng tôi nhận thấy:

- Trong khi các bài trích dẫn cao nhất, được cho trong Bảng 2, chỉ dao động từ 38 đến 40 lượt trích dẫn sau 5-6 năm, thì bài preprint [2] có lượng trích dẫn không thua kém, trên thực tế là cao hơn: 73.
- Do bản preprint không bị ràng buộc vấn đề bản quyền và hạn chế sản xuất lại, bản [3] phiên bản ngắn tóm tắt trên Stratfor của [2], cũng đã thu hút được 58 lượt trích dẫn từ các tác giả khác nhau qua 6 năm. Như vậy, nếu so ngay cả với bài có lượng trích dẫn vào mức cao nhất của JCSAA là [12] đạt 132 lượt, thì tổng lượt trích dẫn của [2+3] cũng hoàn toàn ngang bằng.
- Một lượng rất lớn các bài đã xuất bản trên JCSAA giai đoạn 2014-15, chiếm tới hơn 80%, có lượng trích dẫn rất bé (< 1 trích dẫn /năm), thậm chí có rất nhiều bài chưa hề được trích dẫn dù chỉ 1 lần.

Tiền nhân thường hay nói: “Chưa biết mèo nào cắn mỉu nào” quả là ứng với trường hợp so sánh preprint và bài xuất bản tạp chí đang xét. Khi số liệu thực tế xuất hiện, mới thấy có nhiều tạp chí lớn tiếng về tính ưu việt, thì chưa hẳn đã mang lại được lợi ích cuối cùng cho tác giả và xã hội: sử dụng thực tế của tri thức. Trích dẫn là một trong những số đo giúp chỉ ra việc ấy.

Vì thế, những người làm nghiên cứu không nên bỏ qua việc khai thác ảnh hưởng cũng như tận dụng sức mạnh của các hệ thống preprint servers như SSRN, RePEc, OSF hay Harvard Dataverse. Và điểm đúc rút được này khá tương đồng với quan điểm nêu trong [1].

Hạn chế

Mọi phân tích mang tính nghiên cứu đều có những hạn chế; điều này cần được ghi rõ [19]. Trong trường hợp của nghiên cứu này, hạn chế ấy thể hiện ở cách nhìn tập trung duy nhất vào một số đo là lượng trích dẫn. Hơn nữa, như đã nói ở trên số đo của Google Scholar cũng lại có những hạn chế khi so sánh với WOS hay Scopus. Chính vì thế, chúng tôi không thể kết luận gì lớn lao, mà chỉ nhắc lại lời của tiền nhân: “Chưa biết mèo nào cắn mỉu nào”.

Tài liệu tham khảo:

- [1] Vuong, Q. H. (2020). The rise of preprints and their value in social sciences and humanities. *Science Editing*, 7(1), 70-72.
- [2] Vuong, Q. H. (2014). Vietnam's political economy: a discussion on the 1986-2016 period. CEB-ULB WP, No. 14/010; Université Libre de Bruxelles.
- [3] Vuong, Q. H. (2014). Vietnam's political economy in transition (1986-2016). *Stratfor-The Hub: International Perspectives* (May 27, 2014).
- [4] Falagas, M. E., Pitsouni, E. I., Malietzis, G. A., & Pappas, G. (2008). Comparison of PubMed, Scopus, Web of Science, and Google Scholar: strengths and weaknesses. *The FASEB Journal*, 22(2), 338-342.
- [5] Harzing, A. W., & Alakangas, S. (2016). Google Scholar, Scopus and the Web of Science: a longitudinal and cross-disciplinary comparison. *Scientometrics*, 106(2), 787-804.
- [6] Martín-Martín, A., Orduna-Malea, E., Thelwall, M., & López-Cózar, E. D. (2018). Google Scholar, Web of Science, and Scopus: A systematic comparison of citations in 252 subject categories. *Journal of Informetrics*, 12(4), 1160-1177.
- [7] Bakkalbasi, N., Bauer, K., Glover, J., & Wang, L. (2006). Three options for citation tracking: Google Scholar, Scopus and Web of Science. *Biomedical Digital Libraries*, 3(1), 7.
- [8] Martín-Martín, A., Orduna-Malea, E., & López-Cózar, E. D. (2018). Coverage of highly-cited documents in Google Scholar, Web of Science, and Scopus: a multidisciplinary comparison. *Scientometrics*, 116(3), 2175-2188.
- [9] Davies, M. (2014). An agreement to disagree: the ASEAN Human Rights Declaration and the absence of regional identity in Southeast Asia. *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, 33(3), 107-129.
- [10] Heilmann, D. (2015). After Indonesia's Ratification: The ASEAN Agreement on Transboundary Haze Pollution and its Effectiveness as a Regional Environmental Governance Tool. *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, 34(3), 95-121.
- [11] Hamid, A. (2014). Jokowi's populism in the 2012 Jakarta Gubernatorial Election. *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, 33(1), 85-109.
- [12] Curato, N. (2016). Politics of anxiety, politics of hope: Penal populism and Duterte's rise to power. *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, 35(3), 91-109.

- [13] Beeson, M. (2016). Can ASEAN cope with China?. *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, 35(1), 5-28.
- [14] Bui, T. H. (2016). The influence of social media in Vietnam's elite politics. *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, 35(2), 89-111.
- [15] De Castro, R. C. (2016). The Duterte Administration's Foreign Policy: Unravelling the Aquino Administration's Balancing Agenda on an Emergent China. *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, 35(3), 139-159.
- [16] Thompson, M. R. (2016). Bloodied democracy: Duterte and the death of liberal reformism in the Philippines. *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, 35(3), 39-68.
- [17] Reyes, D. A. (2016). The spectacle of violence in Duterte's "war on drugs". *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, 35(3), 111-137.
- [18] Teehankee, J. C. (2016). Duterte's resurgent nationalism in the Philippines: a discursive institutionalist analysis. *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, 35(3), 69-89.
- [19] Vuong, Q. H. (2020). Reform retractions to make them more transparent. *Nature*, 582(7811), 149.